

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số	44/2011/QĐ-TTg	ngày 27 tháng 3 năm 2001
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	3600495818	ngày 16 tháng 5 năm 2001
	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818 ngày 22 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Thái Văn Chuyện Bà Huỳnh Bích Ngọc Bà Phạm Thị Sum Ông Nguyễn Xuân Trình Ông Phạm Đình Mạnh Thu Bà Đặng Huỳnh Ước My Ông Tống Thông Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch (từ ngày 2 tháng 8 năm 2012) Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 4 năm 2012 đến ngày 2 tháng 8 năm 2012) Thành viên (từ ngày 2 tháng 8 năm 2012 đến ngày 10 tháng 10 năm 2012) Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 4 năm 2012) Phó Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 4 năm 2012) Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2012) Thành viên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2012)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Lộc Ông Trần Tựu Ông Nguyễn Thanh Cường Ông Bùi Văn Lang Ông Phạm Công Hải Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Ông Lê Quang Hải	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 9 tháng 7 năm 2012) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 27 tháng 7 năm 2012) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 11 năm 2012)
Trụ sở đăng ký	Khu Công Nghiệp 1 Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 58 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Thái Văn Chuyện
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 58. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

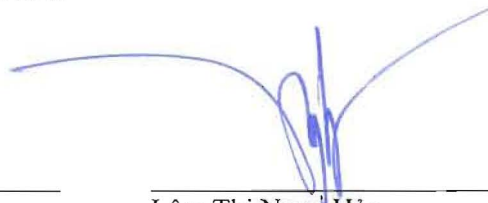
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-249



Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hảo
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.454.281.395.972	752.872.194.158
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	98.523.586.210	178.778.249.429
Tiền	111		45.446.686.210	16.878.249.429
Các khoản tương đương tiền	112		53.076.900.000	161.900.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	12	16.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	285.117.018.403	234.744.313.899
Phải thu khách hàng	131		62.877.137.832	47.347.504.711
Trả trước cho người bán	132		201.581.112.001	190.011.179.869
Các khoản phải thu khác	135		22.838.529.467	7.540.396.530
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.179.760.897)	(10.154.767.211)
Hàng tồn kho	140	7	820.013.485.772	333.067.839.753
Hàng tồn kho	141		820.013.485.772	333.067.839.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		234.127.305.587	6.281.791.077
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15.600.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.452.017.267	4.631.692.020
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	215.675.288.320	1.634.499.057
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		653.553.724.975	528.865.023.153
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	53.354.780.087	58.765.140.846
Phải thu dài hạn khác	218		53.354.780.087	58.765.140.846
Tài sản cố định	220		522.038.910.048	406.501.374.593
Tài sản cố định hữu hình	221	9	308.706.984.454	201.125.463.345
Nguyên giá	222		677.940.839.532	521.794.159.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(369.233.855.078)	(320.668.696.253)
Tài sản cố định vô hình	227	10	10.570.518.103	12.261.509.740
Nguyên giá	228		20.440.816.437	20.361.700.982
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.870.298.334)	(8.100.191.242)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	202.761.407.491	193.114.401.508

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	43.473.300.000	30.775.710.000
Đầu tư dài hạn khác	258		44.527.884.439	50.239.701.076
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.054.584.439)	(19.463.991.076)
Tài sản dài hạn khác	260		34.686.734.840	32.822.797.714
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.154.122.740	7.920.159.075
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	891.822.699	1.254.305.010
Tài sản dài hạn khác	268		2.826.225.000	5.652.450.000
Lợi thế thương mại	269	15	15.814.564.401	17.995.883.629
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.107.835.120.947	1.281.737.217.311
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.535.110.846.435	733.238.203.768
Nợ ngắn hạn	310		1.427.676.197.648	628.124.819.122
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	995.494.593.762	361.712.095.401
Phải trả người bán	312	17	122.735.044.559	81.093.001.599
Người mua trả tiền trước	313	18	14.046.550.963	131.773.602.991
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	18.046.576.863	16.726.524.877
Phải trả người lao động	315		20.314.437.607	1.938.277.345
Chi phí phải trả	316	20	6.291.988.402	4.828.609.292
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	243.728.645.405	13.960.380.260
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	7.018.360.087	16.092.327.357
Vay và nợ dài hạn	330		107.434.648.787	105.113.384.646
Vay và nợ dài hạn	334	23	107.434.648.787	104.338.661.817
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	24	-	744.722.829
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		572.724.274.512	548.499.013.543
Vốn chủ sở hữu	410	25	572.724.274.512	548.499.013.543
Vốn cổ phần	411	26	314.974.590.000	299.975.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	28	87.752.273.950	65.413.962.846
Quỹ dự phòng tài chính	418	28	25.241.483.303	17.795.379.602
Lợi nhuận chưa phân phối	420		104.938.687.259	125.496.631.095
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.107.835.120.947	1.281.737.217.311

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	215.359.222	378.751.390
Nợ khó đòi đã xử lý	10.876.024.834	2.339.968.982
Ngoại tệ		
▪ USD	2.595.314.399	264.169.457
▪ EUR	6.840.238	7.110.632

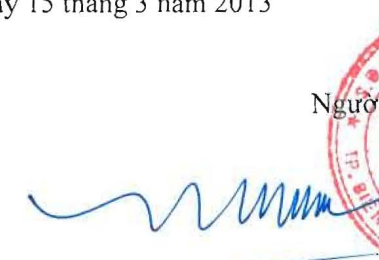
Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Võ Công Minh
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyển
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	29	3.045.797.906.559	2.566.008.025.432
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	1.551.764.143	1.386.023.135
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	3.044.246.142.416	2.564.622.002.297
Giá vốn hàng bán	11	30	2.764.269.972.014	2.294.967.014.066
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		279.976.170.402	269.654.988.231
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	56.130.225.149	35.024.068.534
Chi phí tài chính	22	32	50.473.008.914	80.354.988.941
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>50.777.977.065</i>	<i>72.189.604.951</i>
Chi phí bán hàng	24		72.410.250.323	32.744.020.762
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		49.431.705.374	42.443.686.312
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		163.791.430.940	149.136.360.750
Thu nhập khác	31		2.984.929.750	11.400.082.329
Chi phí khác	32		678.366.024	518.765.759
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.306.563.726	10.881.316.570
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		166.097.994.666	160.017.677.320
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	46.525.384.725	12.784.481.532
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	362.482.311	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		119.210.127.630	147.233.195.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	62		119.210.127.630	147.233.195.788
Lãi trên cổ phiếu		34		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.785	4.908

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Võ Công Minh
Kế toán trưởng





Thái Văn Chuyện
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		166.097.994.666	160.017.677.320
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		52.944.215.521	52.199.228.277
Các khoản dự phòng	03		279.265.424	205.071.843
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(338.328.451)	(2.000.000)
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi	05		(9.647.951.833)	(9.539.553.612)
Thu nhập tiền lãi từ các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	05		(41.248.006.300)	(21.350.275.308)
Cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn	05		-	(1.881.000.000)
Chi phí lãi vay	06		50.777.977.065	72.189.604.951
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		218.865.166.092	251.838.753.471
Biến động các khoản phải thu	09		(273.801.373.110)	26.529.576.390
Biến động hàng tồn kho	10		(242.550.920.193)	(13.704.410.159)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(69.022.906.081)	77.218.435.358
Biến động chi phí trả trước	12		(7.218.363.665)	(4.833.041.064)
			(373.728.396.957)	337.049.313.996
Lãi vay đã trả	13		(50.571.426.850)	(76.777.765.575)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.943.231.255)	(16.352.329.420)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.826.225.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.344.621.007)	(24.415.091.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(452.761.451.069)	219.504.127.408

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(164.184.055.402)	(174.451.122.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		422.263.636	2.000.000
Tiền chi đầu tư vào các khoản tiền gửi kỳ hạn	25		(16.500.000.000)	-
Tiền chi đầu tư dài hạn vào chứng khoán	25		(35.527.884.439)	(1.881.000.000)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn	26		23.794.650.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		21.758.330.424	12.785.475.189
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(170.236.695.781)	(163.544.647.343)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.141.031.541.924	1.443.678.414.174
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.504.153.056.593)	(1.316.944.152.902)
Tiền trả cổ tức	36		(94.135.001.700)	(62.674.424.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		542.743.483.631	64.059.836.372
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(80.254.663.219)	120.019.316.437
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		178.778.249.429	58.758.932.992
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	98.523.586.210	178.778.249.429

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.200.311.531	4.588.160.624
Cần trừ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho những năm trước với thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22.169.504.924	-
Cần trừ tiền mua mía với lãi thực thu từ nông dân trồng mía	29.375.725.826	20.134.665.553
Vay tài sản ghi nhận trong hàng tồn kho (Thuyết minh 8 và 21)	215.019.000.000	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Võ Công Minh
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyển
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”). Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất đường; trồng mía đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có hai công ty con nắm giữ 100% vốn gồm:

- Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi (“Hải Vi”), hoạt động chính của công ty này là trồng mía đường, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 được cấp bởi sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh ngày 29 tháng 7 năm 2010. Trụ sở chính của Hải Vi được đặt tại Thôn Thành Tân, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Công ty TNHH Một Thành viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”), hoạt động chính của công ty này là trồng mía đường, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 được cấp bởi sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh ngày 8 tháng 12 năm 2009. Trụ sở chính của Biên Hòa – Thành Long được đặt tại Ấp Nam Bến Sỏi, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và hiện tại công ty này vẫn đang trong giai đoạn tiền hoạt động.

Cổ phiếu của Nhóm Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 11 năm 2006 theo giấy phép số 79/UBCK-GPNY cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006. Trụ sở chính và nhà máy của Nhóm Công ty được đặt tại Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các chi nhánh và nhà máy khác trực thuộc của Nhóm Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2011, tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 ngày 7 tháng 12 năm 2007, tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009, tại Thôn Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001, tại số 120 đường Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Chi nhánh Cần Thơ được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001, tại số 550 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818008-008 ngày 15 tháng 9 năm 2003, tại số 24 đường Nguyễn Trường Tộ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty có 1.206 nhân viên (31/12/2011: 1.056 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của Nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng và giảm của dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất tại nhà máy Tây Ninh và Trị An được tính dựa trên công suất ước tính tại nhà máy Tây Ninh và Trị An lần lượt là 418.000 tấn và 221.000 tấn mỗi năm. Tỷ lệ khấu hao ước tính là 595 đồng/kg đường thô cho nhà máy Tây Ninh và 610 đồng/kg đường thô cho nhà máy Trị An.

Khấu hao tài sản cố định khác (bao gồm nhà máy Biên Hòa) được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 15 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo trả trước, tiền thuê đất trả trước, phí bảo hiểm nhà cửa và máy móc, được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Nhóm Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(ii) Dự phòng hỗ trợ nông dân trồng mía đường

Dự phòng hỗ trợ nông dân trồng mía đường liên quan đến các chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân trồng mía trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và ước tính tốt nhất từ Ban Tổng Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và tình hình tài chính nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể tốt hơn hoặc xấu hơn so với các đánh giá đã được dùng để trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Chỉ nhằm mục đích là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh mía đường và các sản phẩm liên quan; và trong một bộ phận địa lý tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	145.714.390	188.492.846
Tiền gửi ngân hàng	45.300.971.820	16.689.756.583
Các khoản tương đương tiền	53.076.900.000	161.900.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	98.523.586.210	178.778.249.429

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	-	247.000

Khoản phải thu thương mại từ các cổ đông không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn khác là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	165.650.908.796	136.758.001.114
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	53.354.780.087	58.765.140.846
	219.005.688.883	195.523.141.960

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân, hưởng lãi suất cố định 1,125% tháng (2011: 1,125% tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi theo từng lần giải ngân trong thời hạn tối đa 4 năm.

Trong năm 2012, Nhóm Công ty đã cần trừ tổng cộng 201.144.901.582 VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2011: 159.252.983.670 VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	11.568.439.445	5.655.136.101
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	272.237.838	854.284.433
Lãi phải thu	10.392.474.964	687.061.111
Phải thu khác	605.377.220	343.914.885
	22.838.529.467	7.540.396.530

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 66.590 triệu VND (31/12/2011: 1.493 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16).

7. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.986.106.057	-
Nguyên vật liệu	519.372.395.143	133.480.169.995
Công cụ và dụng cụ	13.629.171.965	12.258.262.460
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	178.611.341.207	101.344.865.797
Thành phẩm	104.172.566.959	81.463.044.323
Hàng hóa	241.904.441	4.521.497.178
	820.013.485.772	333.067.839.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	820.013.485.772	333.067.839.753

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 380.405 triệu VND (31/12/2011: 185.926 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 215.019 triệu VND (31/12/2011: không) theo hợp đồng vay tài sản từ Vinamilk (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trả trước cho người lao động	395.720.624	647.882.810
Ký quỹ ngắn hạn (*)	215.279.567.696	986.616.247
	215.675.288.320	1.634.499.057

(*) Bao gồm trong ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản ký quỹ cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”) với giá trị ghi sổ 215.019 triệu VND được đảm bảo cho hàng tồn kho theo hợp đồng vay tài sản ngày 1 tháng 10 năm 2012. Theo hợp đồng này, Nhóm Công ty đã vay tài sản không chịu lãi từ Vinamilk. Nhóm Công ty sẽ hoàn trả đúng số lượng đường đã vay cho Vinamilk trong năm 2013. Khoản ký quỹ sẽ được Vinamilk hoàn trả trước khi nhận lại tài sản cho vay.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	109.537.257.913	394.680.667.009	5.099.476.414	12.476.758.262	521.794.159.598
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.298.507.894	135.934.243.663	2.504.313.938	10.921.180.000	156.658.245.495
Thanh lý	-	(233.333.333)	-	(278.232.228)	(511.565.561)
Số dư cuối năm	116.835.765.807	530.381.577.339	7.603.790.352	23.119.706.034	677.940.839.532
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	70.826.513.572	238.492.623.644	3.178.413.998	8.171.145.039	320.668.696.253
Khấu hao trong năm	6.471.051.813	40.019.006.205	704.429.556	1.798.301.627	48.992.789.201
Thanh lý	-	(149.398.148)	-	(278.232.228)	(427.630.376)
Số dư cuối năm	77.297.565.385	278.362.231.701	3.882.843.554	9.691.214.438	369.233.855.078
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	38.710.744.341	156.188.043.365	1.921.062.416	4.305.613.223	201.125.463.345
Số dư cuối năm	39.538.200.422	252.019.345.638	3.720.946.798	13.428.491.596	308.706.984.454

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 107.713 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 65.675 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 254.068 triệu VND (31/12/2011: 132.430 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16 và 23).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.882.785.128	4.545.823.923	933.091.931	20.361.700.982
Tăng trong năm	-	79.115.455	-	79.115.455
Số dư cuối năm	14.882.785.128	4.624.939.378	933.091.931	20.440.816.437
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.687.955.828	3.412.235.414	-	8.100.191.242
Khấu hao trong năm	1.470.990.629	299.116.463	-	1.770.107.092
Số dư cuối năm	6.158.946.457	3.711.351.877	-	9.870.298.334
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	10.194.829.300	1.133.588.509	933.091.931	12.261.509.740
Số dư cuối năm	8.723.838.671	913.587.501	933.091.931	10.570.518.103

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.838 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 1.499 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 8.931 triệu VND (31/12/2011: 10.557 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	193.114.401.508	43.395.407.117
Tăng trong năm	166.305.251.478	178.640.744.486
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(156.658.245.495)	(28.921.750.095)
Số dư cuối năm	202.761.407.491	193.114.401.508

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 49.278 triệu VND (31/12/2011: 105.457 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 23).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 2.200 triệu VND (2011: 4.588 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2012			31/12/2011			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	Số tiền VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	Số tiền VND
Đầu tư dài hạn khác bằng cổ phiếu vào:							
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-	1.442.100	0,13%	41.239.701.076
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5%	5%	9.000.000.000	750.000	5%	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	1.740.700	10%	10%	34.125.093.029	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần đường Ninh Hòa	100.000	0,33%	0,33%	1.402.791.410	-	-	-
				44.527.884.439			50.239.701.076
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(1.054.584.439)			(19.463.991.076)
				43.473.300.000			30.775.710.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	50.239.701.076	48.358.701.076
Tăng trong năm	35.527.884.439	1.881.000.000
Thanh lý trong năm (*)	(41.239.701.076)	-
Số dư cuối năm	44.527.884.439	50.239.701.076

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	19.463.991.076	19.141.101.076
Tăng dự phòng trong năm	1.054.584.439	5.169.600.000
Sử dụng trong năm	(17.445.051.076)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.018.940.000)	(4.846.710.000)
Số dư cuối năm	1.054.584.439	19.463.991.076

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	7.920.159.075	3.087.118.011
Tăng trong năm	20.599.915.744	14.571.276.018
Phân bổ trong năm	(13.365.952.079)	(9.738.234.954)
Số dư cuối năm	15.154.122.740	7.920.159.075

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời từ khấu hao tài sản cố định.

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	21.813.192.278
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.817.308.649
Khấu hao trong năm	2.181.319.228
Số dư cuối năm	5.998.627.877
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	17.995.883.629
Số dư cuối năm	15.814.564.401

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	956.477.480.427	322.964.681.280
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	39.017.113.335	38.747.414.121
	995.494.593.762	361.712.095.401

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	9,5% - 10%	299.122.416.178	-
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	13%	-	27.525.000.000
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD	5,5%	-	158.401.080.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	8,85%	65.527.418.493	-
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	5,72%	-	65.516.201.280
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (c)	VND	6,05% - 9,69%	120.346.203.334	-
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	USD	5,6%	-	71.522.400.000
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam (d)	VND	7,7% - 8,5%	137.916.528.000	-
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	9% - 9,5%	33.710.000.000	-
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 – Thành phố Hồ Chí Minh (f)	VND	9,4% - 9,5%	299.854.914.422	-
			956.477.480.427	322.964.681.280

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2011: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại tỉnh Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 1.621 triệu VND (31/12/2011: 2.110 triệu VND), máy móc với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.327 triệu VND (31/12/2011: 5.097 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 200.000 triệu VND (31/12/2011: 185.926 triệu VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 156.180 triệu VND hoặc 7,5 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 23.674 triệu VND.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 122.861 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 5.366 triệu VND.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 145.768 triệu VND hoặc 7 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 1.944 triệu VND, khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 42.916 triệu VND và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 137.917 triệu VND.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 2.574 triệu VND.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 41.795 triệu VND. Một phần hàng tồn kho cũng được sử dụng thế chấp cho khoản vay (e) là 1.881 triệu VND.

17. Các khoản phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cho cổ đông	7.979.128.344	-
Phải trả các công ty liên quan khác	13.870.201.181	-

18. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước từ các cổ đông	9.363.095.534	3.350.189.270

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.325.797.300	9.274.329.845
Thuế tiêu thụ đặc biệt	181.140.714	205.466.011
Thuế nhập khẩu	3.416.313	4.110.457.994
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.407.854.074	2.995.205.528
Các loại thuế khác	128.368.462	141.065.499
	18.046.576.863	16.726.524.877

20. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí vận chuyển	2.890.167.098	2.387.587.320
Chi phí lãi vay	2.406.861.746	-
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	20.340.087	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	-	262.814.449
Chi phí khác	974.619.471	2.178.207.523
	6.291.988.402	4.828.609.292

21. Phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay tài sản từ Vinamilk (Thuyết minh 8)	215.019.000.000	-
Khoản vay từ Công Đoàn của Nhóm Công ty	15.183.780.818	5.467.262.067
Cổ tức phải trả	1.653.945.100	5.796.206.800
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải thu từ nông dân trồng mía ở Tây Ninh	2.131.902.134	-
Bảo hiểm xã hội	150.453.892	95.009.696
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	930.440.000	1.129.800.000
Các khoản phải trả khác	8.659.123.461	1.472.101.697
	243.728.645.405	13.960.380.260

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	16.092.327.357	4.107.443.183
Phân bổ từ lợi nhuận giữ lại	4.270.648.883	27.007.140.724
Sử dụng trong năm	(13.344.616.153)	(15.022.256.550)
Số dư cuối năm	7.018.360.087	16.092.327.357

23. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	146.451.762.122	143.086.075.938
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 16)	(39.017.113.335)	(38.747.414.121)
	107.434.648.787	104.338.661.817

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/12/2012 VND	31/12/2011 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	5,4%	2014	23.792.900.000	35.693.900.000
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	VND	5,4%	2018	22.077.043.932	25.756.551.253
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đồng Nai	VND	14%	2015	-	28.568.000.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đồng Nai	VND	14%	2015	-	8.474.757.900
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (c)	VND	3,9%	2020	14.288.396.000	16.301.366.800
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	14%	2015	28.250.000.000	28.291.499.985
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	14%	2015	7.649.825.000	-
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (f)	VND	14%	2017	36.367.201.572	-
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (g)	VND	14,5%	2015	14.026.395.618	-
				146.451.762.122	143.086.075.938

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 57.223 triệu VND (31/12/2011: 64.761 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 7 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.975 triệu VND bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.966 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 6 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND bắt đầu từ ngày 20 tháng 9 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 14 kỳ mỗi sáu tháng với số tiền là 1.006 triệu VND bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại trụ sở chính của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 21.328 triệu VND và nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 6.266 triệu VND, 76.012 triệu VND và 382 triệu VND (31/12/2011: 105.457 triệu VND dưới hình thức chi phí xây dựng cơ bản dở dang). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 2.350 triệu VND bắt đầu từ ngày 2 tháng 1 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.400 triệu VND vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.234 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 956 triệu VND bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 19 tháng 9 năm 2015.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại nhà máy Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 49.278 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 18 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 2.020 triệu VND bắt đầu từ ngày 8 tháng 8 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 8 tháng 11 năm 2017.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80.212 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Trị An với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 20.680 triệu VND, 59.210 triệu VND và 2.406 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 1.169 triệu VND bắt đầu từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 1.166 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2015.

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	774.722.829	610.140.663
Dự phòng lập trong năm	503.804.247	363.940.916
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.278.527.076)	(199.358.750)
Số dư cuối năm	-	774.722.829

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã đóng 564 triệu VND (31/12/2011: 608 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	185.316.200.000	154.476.840.000	43.083.053.253	10.351.743.071	-	103.446.818.448	496.674.654.772
Phát hành cổ phiếu	114.659.600.000	(114.659.600.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	147.233.195.788	147.233.195.788
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(27.007.140.724)	(27.007.140.724)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	22.330.909.593	7.443.636.531	3.541.026.293	(33.315.572.417)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.541.026.293)	-	(3.541.026.293)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	299.975.800.000	39.817.240.000	65.413.962.846	17.795.379.602	-	125.496.631.095	548.499.013.543
Phát hành cổ phiếu	14.998.790.000	-	-	-	-	(14.998.790.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	119.210.127.630	119.210.127.630
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(89.992.740.000)	(89.992.740.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(4.270.648.883)	(4.270.648.883)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	22.338.311.104	7.446.103.701	721.477.778	(30.505.892.583)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(721.477.778)	-	(721.477.778)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	314.974.590.000	39.817.240.000	87.752.273.950	25.241.483.303	-	104.938.687.259	572.724.274.512

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Nhóm Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
– Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	31.497.459	314.974.590.000	29.997.580	299.975.800.000
Cổ phiếu lưu hành –				
Mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	31.497.459	314.974.590.000	29.997.580	299.975.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Nhóm Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Nhóm Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Nhóm Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	29.997.580	299.975.800.000	18.531.620	185.316.200.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành trong năm	-	-	11.465.960	114.659.600.000
Cổ phiếu theo chương trình ESOP đã phát hành trong năm (*)	1.499.879	14.998.790.000	-	-
Số dư cuối năm	31.497.459	314.974.590.000	29.997.580	299.975.800.000

(*) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Nhóm Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2012 và cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 24 tháng 8 năm 2012 đã quyết định phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) với số lượng 1.499.879 cổ phiếu, nguồn phát hành từ lợi nhuận chưa phân phối với giá trị là 14.999 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Nhóm Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 44.996 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho đợt 2 của năm 2011. Và cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 18 tháng 10 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 44.996 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho đợt 1 của năm 2012 (2011: lần lượt 27.797 triệu VND cổ tức được chia cho năm 2010 tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu và 37.063 triệu VND cổ tức được chia cho đợt 1 của năm 2011 tương đương 2.000 mỗi cổ phiếu).

28. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của Nhóm Công ty trong tương lai.

(iii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Trong năm, theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nhóm Công ty thông báo trích 721 triệu VND để thành lập quỹ quản lý. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích khen thưởng và những mục đích liên quan đến hoạt động quản trị của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	3.021.904.838.208	2.545.028.084.508
▪ Cung cấp dịch vụ	23.893.068.351	20.979.940.924
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(209.476.445)	(23.945.137)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.342.287.698)	(1.362.077.998)
Doanh thu thuần	3.044.246.142.416	2.564.622.002.297

30. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	2.744.581.136.333	2.281.662.438.582
▪ Dịch vụ đã cung ứng	19.688.835.681	13.304.575.484
	2.764.269.972.014	2.294.967.014.066

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi từ tiền gửi	9.647.951.833	9.539.553.612
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	41.248.006.300	21.350.275.308
Cổ tức được chia	-	1.881.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.462.259.403	1.208.714.147
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.772.007.613	1.044.525.467
	56.130.225.149	35.024.068.534

32. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	50.777.977.065	72.189.604.951
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	1.054.584.439	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(2.018.940.000)	322.890.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	194.263.694	7.454.344.084
Chi phí tài chính khác	465.123.716	388.149.906
	50.473.008.914	80.354.988.941

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	22.856.992.620	12.784.481.532
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của những năm trước	23.668.392.105	-
	46.525.384.725	12.784.481.532
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	362.482.311	-
	46.887.867.036	12.784.481.532

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	166.097.994.666	160.017.677.320
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.914.699.200	24.002.651.598
Ưu đãi thuế	(3.085.173.206)	(13.317.589.900)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	237.022.880	74.176.538
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các hoạt động thương mại và khoản thu nhập khác	214.158.191	1.053.981.066
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.578.927.539	1.550.118.384
Thu nhập không bị tính thuế	-	(282.150.000)
Lỗ thuế sử dụng	(640.159.673)	(296.706.154)
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của những năm trước	23.668.392.105	-
	46.887.867.036	12.784.481.532

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 (“Nghị Quyết số 29”) do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Nhóm Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp liên quan đến hoạt động trồng mía trong năm 2012 cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Nhóm Công ty do thỏa mãn điều kiện về sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần đường Biên Hòa

Hoạt động sản xuất

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (2001) và 25% cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2001) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (2001) và 25% cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2001) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2002) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 119.210.127.630 VND (2011: 147.233.195.788 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.497.459 cổ phiếu (2011: 29.997.580), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	119.210.127.630	147.233.195.788

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	29.997.580	18.531.620
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu vào ngày 11 tháng 11 năm 2011	-	11.465.960
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành cho nhân viên vào ngày 31 tháng 10 năm 2012 (Thuyết minh 26)	1.499.879	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	31.497.459	29.997.580

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty không có bất kỳ cổ phiếu nào có khả năng suy giảm.

35. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Phân thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	114.877.871.820	178.589.756.583
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (**)	85.054.887.638	54.887.901.241
Các khoản trả trước cho người trồng mía (Thuyết minh 6) (***)	217.486.707.647	185.368.374.749
	417.419.467.105	418.846.032.573

(*) Tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền, các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

() Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban quản lý rủi ro của Nhóm Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(*) Các khoản trả trước cho người trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho mỗi người bán được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của người bán. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Nhóm Công ty và khoản này sẽ được căn trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Nhóm Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản trả trước cho nông dân trồng mía đã quá hạn nhưng vẫn có thể thu hồi được tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/012/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong hạn	273.000.988.150	239.914.289.401
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	28.195.382.107	1.150.000
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	176.154.363	340.836.589
Quá hạn trên 180 ngày	1.169.070.665	-
	302.541.595.285	240.256.275.990

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	10.154.767.211	10.801.168.078
Tăng dự phòng trong năm	981.626.913	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(8.714.823.052)	(164.641.794)
Hoàn nhập	(241.810.175)	(481.759.073)
Số dư cuối năm	2.179.760.897	10.154.767.211

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	956.477.480.427	975.782.090.905	975.782.090.905	-	-	-
Phải trả người bán	122.735.044.559	122.735.044.559	122.735.044.559	-	-	-
Phải trả người lao động	20.314.437.607	20.314.437.607	20.314.437.607	-	-	-
Phải trả khác	243.728.645.405	243.728.645.405	243.728.645.405	-	-	-
Chi phí phải trả	6.291.988.402	6.291.988.402	6.291.988.402	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn (Thuyết minh 23)	146.451.762.122	178.731.004.360	52.643.383.979	46.497.447.202	71.332.526.443	8.257.646.736
	1.495.999.358.522	1.547.583.211.238	1.421.495.590.857	46.497.447.202	71.332.526.443	8.257.646.736

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	322.964.681.280	328.305.663.960	328.305.663.960	-	-	-
Phải trả người bán	81.093.001.599	81.093.001.599	81.093.001.599	-	-	-
Phải trả người lao động	1.938.277.345	1.938.277.345	1.938.277.345	-	-	-
Phải trả khác	13.960.380.260	13.960.380.260	13.960.380.260	-	-	-
Chi phí phải trả	4.828.609.292	4.828.609.292	4.828.609.292	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn (Thuyết minh 23)	143.086.075.938	167.856.666.710	50.527.322.477	45.819.801.976	56.981.151.383	14.528.390.874
	567.871.025.714	597.982.599.166	480.653.254.933	45.819.801.976	56.981.151.383	14.528.390.874

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	31/12/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.489	250	12.558	250
Tài sản tiền tệ khác	10.746	1.340	-	30.530
Phải trả người bán	(453.730)	(7.865)	(33.085)	(150.000)
	(318.495)	(6.275)	(20.527)	(119.220)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1USD	20.824	21.036
1EUR	27.361	27.272

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 1% yếu đi của đồng USD và 1% mạnh thêm của đồng EUR (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8% mạnh thêm của đồng USD và 1% yếu đi của đồng EUR) không có tác động trọng yếu đến lãi thuần của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	288.582.588.883	357.423.141.960
Nợ phải trả tài chính	(60.158.339.932)	(114.518.075.938)
	228.424.248.951	242.905.066.022
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	45.300.971.820	16.689.756.583
Nợ phải trả tài chính	(1.042.770.902.617)	(351.532.681.280)
	(997.469.930.797)	(334.842.924.697)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vay và nợ dài hạn trị giá 86.239 triệu VND của Nhóm Công ty chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại Nhóm Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của biến động lãi suất. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm cơ bản lợi nhuận thuần Nhóm Công ty sẽ giảm 8.479 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Phải thu dài hạn và vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản phải thu dài hạn và vay dài hạn được dựa trên giá trị hiện hành của dòng lưu chuyển tiền nợ gốc và tiền lãi, được chiết khấu theo tỷ giá lãi suất của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ đã được ghi nhận.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch đã bao gồm thuế giá trị gia tăng với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)		
Bán hàng hóa	54.655.619.670	149.331.914.531
Chi trả cổ tức	150.000.000	6.172.774.500
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh		
Bán hàng hóa	3.188.429.301	1.183.506.528
Mua hàng hóa	11.942.561.446	28.585.423.478
Chi trả cổ tức	20.445.444.000	8.420.000.000
Tổng công ty Mía Đường II - Công ty TNHH Một Thành viên		
Bán hàng hóa	-	1.343.735.754
Mua hàng hóa	-	13.200.000
Chi trả cổ tức	10.125.300.000	7.297.290.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (**)		
Vay ngắn hạn	58.535.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.224.265.400	31.642.330.207
Chi trả cổ tức	4.502.260.500	2.781.234.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bán hàng hóa	18.285.000	-
Mua hàng hóa	270.047.679.704	-
Trả trước cho người bán	270.047.679.704	-
Thu lãi tiền gửi từ trả trước cho người bán	1.531.389.933	-
Chi trả cổ tức	24.282.000	-

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Bán hàng hóa	211.122.000	-
Mua hàng hóa	133.873.276.583	-
Trả trước cho người bán	119.374.664.422	-
Thu lãi tiền gửi từ trả trước cho người bán	698.410.981	-

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Tiền thù lao	1.110.000.000	1.440.000.000
Tiền lương và thưởng	1.450.781.531	1.324.788.611

(*) Trong năm 2012, Công ty Cổ phần SX-TM Thành Thành Công đã thay đổi tên pháp lý thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

(**) Các giao dịch chủ yếu với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được trình bày là các giao dịch với các bên liên quan cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày thanh lý khoản đầu tư vào ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

37. Cam kết thuê

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	714.078.323.171	700.738.957.177

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	2.889.732.790	2.889.732.790
Trong vòng hai đến năm năm	9.224.639.493	9.224.639.493
Sau năm năm	61.330.841.957	64.220.574.747
	73.445.214.240	76.334.947.030

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.932.969.751.422	1.630.900.187.905
Chi phí nhân công	137.932.406.734	97.367.493.120
Chi phí khấu hao và phân bổ	66.310.167.600	61.937.463.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.904.776.833	38.157.137.240
Chi phí khác	101.509.510.132	74.911.618.598

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2011 VND (phân loại lại)	31/12/2011 VND (theo báo cáo trước đây)
Khoản trả trước cho người bán	190.011.179.869	179.856.412.658
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(10.154.767.211)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	58.765.140.846	68.919.908.057
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	(10.154.767.211)

(b) Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012, Nhóm Công ty đã thay đổi phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ trực tiếp sang gián tiếp. Do việc thay đổi này, các số liệu so sánh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời, chi tiết như sau:

	2012 VND (phân loại lại)	2011 VND (theo báo cáo trước đây)
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	219.504.127.408	164.682.632.607
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(163.544.647.343)	(105.504.906.130)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài trợ	64.059.836.372	60.775.461.892

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Võ Công Minh
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyển
Chủ tịch